

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

SỐ GỐC CẤP CHỨNG NHẬN BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM ĐỢT 4 NĂM 2026

(Theo Quyết định công nhận kết quả học tập và cấp chứng nhận hoàn thành lớp Bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm đợt 4 năm 2026 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền số 2687-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Chương trình ĐT, BD: Nghiệp vụ sư phạm.

Thời gian đào tạo, bồi dưỡng: Từ ngày 25/6/2026 đến ngày 16/7/2026.

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CN	Số vào sổ gốc cấp CN	Ký nhận
1	Lê Việt Anh	19.5.1991	An Giang	Nam	Kinh	091091000256	HBT/BDNVSP 000340	NVSP4/2026.01	
2	Nguyễn Trâm Anh	22.3.1996	An Giang	Nữ	Kinh	089196011881	HBT/BDNVSP 000271	NVSP4/2026.02	
3	Đào Thị Kim Bằng	23.9.1981	An Giang	Nữ	Kinh	089181001625	HBT/BDNVSP 000272	NVSP4/2026.03	
4	Huỳnh Thanh Bình	08.6.1972	An Giang	Nam	Kinh	091072023036	HBT/BDNVSP 000273	NVSP4/2026.04	
5	Phan Văn Đẹp	21.3.1985	An Giang	Nam	Kinh	091085007228	HBT/BDNVSP 000274	NVSP4/2026.05	
6	Lê Thị Kiều Diễm	18.01.1982	An Giang	Nữ	Kinh	091182002097	HBT/BDNVSP 000275	NVSP4/2026.06	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CN	Số vào sổ gốc cấp CN	Ký nhận
7	Trần Văn Đoàn	05.12.1978	An Giang	Nam	Kinh	091078000239	HBT/BDNVSP 000276	NVSP4/2026.07	
8	Nguyễn Thị Đông	25.9.1979	An Giang	Nữ	Kinh	091179004629	HBT/BDNVSP 000277	NVSP4/2026.08	
9	Nguyễn Trần Việt Đức	26.01.1996	An Giang	Nam	Kinh	089096022346	HBT/BDNVSP 000278	NVSP4/2026.09	
10	Võ Trí Dũng	15.02.1978	An Giang	Nam	Kinh	089078016785	HBT/BDNVSP 000279	NVSP4/2026.10	
11	Lê Văn Dưỡng	09.7.1982	An Giang	Nam	Kinh	091082006399	HBT/BDNVSP 000280	NVSP4/2026.11	
12	Phan Hoàng Em	06.6.1989	An Giang	Nam	Kinh	089089018167	HBT/BDNVSP 000281	NVSP4/2026.12	
13	Nguyễn Hoài Em	08.4.1986	An Giang	Nam	Kinh	089086000635	HBT/BDNVSP 000282	NVSP4/2026.13	
14	Đoàn Thị Như Em	29.12.1986	An Giang	Nữ	Kinh	091186021857	HBT/BDNVSP 000283	NVSP4/2026.14	
15	Trần Đức Giáp	01.7.1983	An Giang	Nam	Kinh	091083019968	HBT/BDNVSP 000284	NVSP4/2026.15	
16	Võ Phương Hà	28.02.1985	Cần Thơ	Nữ	Kinh	094185000958	HBT/BDNVSP 000285	NVSP4/2026.16	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CN	Số vào sổ gốc cấp CN	Ký nhận
17	Phan Văn Hạnh	26.9.1984	Nghệ An	Nam	Kinh	040084003058	HBT/BDNVSP 000286	NVSP4/2026.17	
18	Quách Văn Hiền	20.12.1979	An Giang	Nam	Kinh	089079000560	HBT/BDNVSP 000287	NVSP4/2026.18	
19	Trần Thị Ánh Hồng	08.7.1977	An Giang	Nữ	Kinh	089177006020	HBT/BDNVSP 000288	NVSP4/2026.19	
20	Phạm Thế Hùng	29.3.1979	An Giang	Nam	Kinh	089079012708	HBT/BDNVSP 000289	NVSP4/2026.20	
21	Huỳnh Thanh Hùng	01.01.1976	Cần Thơ	Nam	Kinh	092076015900	HBT/BDNVSP 000290	NVSP4/2026.21	
22	Nguyễn Văn Lành	29.02.1980	An Giang	Nam	Kinh	089080015961	HBT/BDNVSP 000291	NVSP4/2026.22	
23	Võ Hồng Linh	30.6.1980	An Giang	Nữ	Kinh	091180000471	HBT/BDNVSP 000292	NVSP4/2026.23	
24	Nguyễn Thị Bích Lợi	05.5.1976	Cần Thơ	Nữ	Kinh	092176004462	HBT/BDNVSP 000293	NVSP4/2026.24	
25	Võ Đức Minh	01.12.1983	An Giang	Nam	Kinh	089083000701	HBT/BDNVSP 000294	NVSP4/2026.25	
26	Trần Văn Minh	16.5.1980	An Giang	Nam	Kinh	091080016412	HBT/BDNVSP 000295	NVSP4/2026.26	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CN	Số vào sổ gốc cấp CN	Ký nhận
27	Nguyễn Thị Cẩm Nang	16.7.1982	An Giang	Nữ	Kinh	089182001088	HBT/BDNVSP 000296	NVSP4/2026.27	
28	Nguyễn Thị Thuý Nga	25.5.1981	An Giang	Nữ	Kinh	089181000585	HBT/BDNVSP 000297	NVSP4/2026.28	
29	Nguyễn Xuân Nguyên	05.7.1977	An Giang	Nam	Kinh	091077018867	HBT/BDNVSP 000298	NVSP4/2026.29	
30	Nguyễn Thị Kim Nguyên	19.5.1987	An Giang	Nữ	Kinh	091187013883	HBT/BDNVSP 000299	NVSP4/2026.30	
31	Lại Thành Nhựt	11.9.1992	An Giang	Nam	Kinh	089092007420	HBT/BDNVSP 000300	NVSP4/2026.31	
32	Nguyễn Thanh Phát	04.12.1983	An Giang	Nam	Kinh	089083003247	HBT/BDNVSP 000301	NVSP4/2026.32	
33	Trần Thị Yến Phi	17.12.1987	An Giang	Nữ	Kinh	089187005042	HBT/BDNVSP 000302	NVSP4/2026.33	
34	Nguyễn Bích Phương	28.9.1990	An Giang	Nữ	Kinh	089190000791	HBT/BDNVSP 000303	NVSP4/2026.34	
35	Lê Bích Phượng	15.4.1979	An Giang	Nữ	Kinh	089179018985	HBT/BDNVSP 000304	NVSP4/2026.35	
36	Trần Ngọc Quyên	17.5.1977	An Giang	Nữ	Kinh	091177007189	HBT/BDNVSP 000305	NVSP4/2026.36	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CN	Số vào sổ gốc cấp CN	Ký nhận
37	Huỳnh Thanh Sang	15.7.1983	An Giang	Nam	Kinh	089083023307	HBT/BDNVSP 000306	NVSP4/2026.37	
38	Cù Ngọc Sang	22.11.1980	An Giang	Nữ	Kinh	089180019893	HBT/BDNVSP 000307	NVSP4/2026.38	
39	Nguyễn Thị Hương Sen	23.3.1980	Phú Thọ	Nữ	Kinh	026180004996	HBT/BDNVSP 000308	NVSP4/2026.39	
40	Trần Văn Tàu	06.9.1975	An Giang	Nam	Kinh	091075000264	HBT/BDNVSP 000309	NVSP4/2026.40	
41	Nguyễn Quốc Thái	10.6.1982	An Giang	Nam	Kinh	089082000699	HBT/BDNVSP 000310	NVSP4/2026.41	
42	Nguyễn Văn Thành	01.01.1983	An Giang	Nam	Kinh	089083020406	HBT/BDNVSP 000311	NVSP4/2026.42	
43	Trần Quốc Thiện	30.11.1982	An Giang	Nam	Kinh	089082000659	HBT/BDNVSP 000312	NVSP4/2026.43	
44	Lê Ngọc Thọ	26.11.1976	An Giang	Nam	Kinh	089076019194	HBT/BDNVSP 000313	NVSP4/2026.44	
45	Hoàng Thị Thoa	17.5.1979	An Giang	Nữ	Kinh	091179001296	HBT/BDNVSP 000314	NVSP4/2026.45	
46	Trần Lệ Thu	07.02.1983	An Giang	Nữ	Kinh	089183015417	HBT/BDNVSP 000315	NVSP4/2026.46	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CN	Số vào sổ gốc cấp CN	Ký nhận
47	Đoàn Thanh Thuý	24.01.1984	An Giang	Nữ	Kinh	091184002689	HBT/BDNVSP 000316	NVSP4/2026.47	
48	Lê Thị Thu Thuý	19.6.1989	An Giang	Nữ	Kinh	089189028538	HBT/BDNVSP 000317	NVSP4/2026.48	
49	Huỳnh Kim Thủy	07.6.1980	An Giang	Nữ	Kinh	091180010416	HBT/BDNVSP 000318	NVSP4/2026.49	
50	Trần Thị Ngọc Trâm	16.4.1982	An Giang	Nữ	Kinh	091182014701	HBT/BDNVSP 000319	NVSP4/2026.50	
51	Đinh Thị Hoàng Trang	28.4.1991	An Giang	Nữ	Kinh	089191009035	HBT/BDNVSP 000320	NVSP4/2026.51	
52	Phan Xuân Trí	12.8.1976	An Giang	Nam	Kinh	091076000224	HBT/BDNVSP 000321	NVSP4/2026.52	
53	Bùi Thị Tú Trinh	07.9.1986	An Giang	Nữ	Kinh	089186004646	HBT/BDNVSP 000322	NVSP4/2026.53	
54	Lê Tú Trinh	21.01.1982	An Giang	Nam	Kinh	091082000393	HBT/BDNVSP 000323	NVSP4/2026.54	
55	Nguyễn Quốc Trung	20.6.1990	An Giang	Nam	Kinh	089090000702	HBT/BDNVSP 000324	NVSP4/2026.55	
56	Võ Trần Cẩm Tú	25.5.1988	An Giang	Nữ	Kinh	089188001319	HBT/BDNVSP 000325	NVSP4/2026.56	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CN	Số vào sổ gốc cấp CN	Ký nhận
57	Trang Minh Tú	01.7.1983	An Giang	Nam	Kinh	091083023185	HBT/BDNVSP 000326	NVSP4/2026.57	
58	Nguyễn Thị Nhật Tuyền	30.12.1992	An Giang	Nữ	Kinh	089192015389	HBT/BDNVSP 000327	NVSP4/2026.58	
59	Trần Văn Út	22.7.1986	An Giang	Nam	Kinh	091086003950	HBT/BDNVSP 000328	NVSP4/2026.59	
60	Võ Thị Út	03.7.1979	An Giang	Nữ	Kinh	091179001297	HBT/BDNVSP 000329	NVSP4/2026.60	
61	Châu Nhật Văn	06.01.1982	An Giang	Nam	Kinh	089082013534	HBT/BDNVSP 000330	NVSP4/2026.61	
62	Đinh Hoàng Vẹn	06.8.1981	Cần Thơ	Nam	Kinh	093081000380	HBT/BDNVSP 000331	NVSP4/2026.62	
63	Nguyễn Văn Vĩ	28.02.1983	An Giang	Nam	Kinh	091083004720	HBT/BDNVSP 000332	NVSP4/2026.63	
64	Đinh Hữu Việt	24.12.1991	An Giang	Nam	Kinh	089091018915	HBT/BDNVSP 000333	NVSP4/2026.64	
65	Lâm Lê Thảo Vy	06.8.1994	An Giang	Nữ	Kinh	089194000572	HBT/BDNVSP 000334	NVSP4/2026.65	
66	Lê Hiếu Xuyên	15.5.1980	An Giang	Nữ	Kinh	089180001164	HBT/BDNVSP 000335	NVSP4/2026.66	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CN	Số vào sổ gốc cấp CN	Ký nhận
67	Trịnh Nguyễn Hạnh Xuyên	16.01.1989	An Giang	Nữ	Kinh	089189018468	HBT/BDNVSP 000336	NVSP4/2026.67	
68	Đặng Thị Kim Xuyên	04.5.1979	Đồng Tháp	Nữ	Kinh	089179000568	HBT/BDNVSP 000337	NVSP4/2026.68	
69	Huỳnh Thị Như Ý	15.10.1985	An Giang	Nữ	Kinh	089185001043	HBT/BDNVSP 000338	NVSP4/2026.69	
70	Trương Thị Như Ý	07.8.1985	An Giang	Nữ	Kinh	091185013438	HBT/BDNVSP 000339	NVSP4/2026.70	

Tổng số: 70 chứng nhận.

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2026

K/T GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trường Giang